

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2017/KDTM-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2017.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên.
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Phú và bà Lê Thị Thanh Cường.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST- KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-KDTM ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Đ; Trụ sở: 35 đường V, quận K, thành phố H. Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông S – Chức vụ: Phó trưởng phòng quản lý rủi ro thuộc chi nhánh Ngân hàng Đ Gia Lai; Địa chỉ: 117 đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền số 1397/QĐ-BIDV.NGL ngày 11/11/2016) (Có mặt).

- **Bị đơn:** Bà T, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú cuối cùng: Hẻm số 02 đường D, tổ 7 phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khối phố 5, thị trấn K, huyện I, tỉnh Gia Lai (Văng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông S trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 15/07/2013, bảng kê rút vốn ngày 15/7/2013 và bảng kê rút vốn ngày 30/9/2013, Ngân hàng Đ đã cho bà T vay số tiền là 1.230.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng*). Mục đích để bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản. Lãi suất xác định theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 15/07/2013.

Tính đến ngày 28/9/2017, bà T còn nợ Ngân hàng Đ – chi nhánh Nam Gia Lai số tiền nợ gốc là: 1.230.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.230.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là: 523.314.000 đồng, nợ lãi quá hạn là: 95.860.733 đồng (tạm tính đến hết ngày 28/9/2017)

Điều kiện bảo đảm nợ vay: Để bảo đảm cho các khoản nợ vay nói trên, bà T và chồng bà là ông T đã thế chấp tài sản tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 11/07/2013. Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp gồm:

01 lô đất tại thị trấn K, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 180623 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/04/2009 mang tên A đã được chuyển nhượng cho ông T và bà T vào ngày 25/5/2009;

01 lô đất tại khối phố 5, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 591148 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/10/2008 mang tên ông T và bà T.

01 lô đất tại khối phố 5, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 930411 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/09/1999 mang tên hộ bà T.

Từ ngày vay đến kỳ trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng Đ đã nhiều lần mời bà T đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng không đạt kết quả. Về phía bà T biểu hiện chây ỳ, kéo dài thời gian, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình theo các hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Xét thấy không còn khả năng tự thương lượng để giải quyết thu hồi nợ, Ngân hàng Đ khởi kiện đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xem xét buộc bà T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ cho Ngân hàng Đ (*thông qua Chi nhánh Ngân hàng Đ Nam Gia Lai, địa chỉ: 117 Trần Phú, thành phố P, tỉnh Gia Lai*) số tiền: nợ gốc là: 1.230.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.230.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là: 523.314.000 đồng, nợ lãi quá hạn là: 95.860.733 đồng (tạm tính đến hết ngày 28/9/2017)

Trong trường hợp bà T không thanh toán dứt điểm ngay toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ, Ngân hàng Đ đề nghị phát mại toàn bộ đất theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 11/07/2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Yêu cầu bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T và ông T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án; để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (theo qui định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015). Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng: cho bị đơn bà T tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai tại Tòa án nhân dân thành phố P và cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai, tại Tòa án nhân dân thành phố P theo qui định pháp luật Nhưng bà T và ông T không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn bà T cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử không đảm bảo thời hạn theo qui định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn là Ngân hàng Đ, địa chỉ: 35 V, quận K, H; Người đại diện theo pháp luật: ông T – Tổng giám đốc Ngân hàng Đ; Người được ủy quyền: ông V – Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Đ; Người đại diện theo ủy quyền lại: ông S, bị đơn bà T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T là đúng qui định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo qui định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự;

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.230.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2017 là: 619.174.733 đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày bị đơn bà T trả nợ xong cho nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không thanh toán trả nợ số tiền trên, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản mà bị đơn bà T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T đã thế chấp cho bên nguyên đơn theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 11/07/2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T.

Nguyên đơn Ngân hàng Đ (thông qua Ngân hàng Đ chi nhánh Nam Gia Lai) và bị đơn bà T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 15/07/2013 để vay 1.230.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng*). Mục đích để bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản. Lãi suất xác định theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 15/07/2013.

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn bà T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản là: 01 lô đất tại thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 180623 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/04/2009 mang tên T đã được chuyển nhượng cho ông T và bà T vào ngày 25/5/2009; 01 lô đất tại khối phố 5, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 591148 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/10/2008 mang tên ông T và bà T. 01 lô đất tại khối phố 5, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 930411 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/09/1999 mang tên hộ bà T. Riêng đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 930411 do UBND huyện I, cấp cho hộ bà T thì thấy rằng tại thời điểm hộ bà T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì theo Sổ Hộ khẩu gia đình bà T gồm có chủ hộ bà T, quan hệ với chủ hộ có ông T là chồng và các con gồm Th – sinh năm 1994, Trần T sinh năm 1997; Nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con bà T là anh Th, Trần T chưa đủ tuổi lao động (15 tuổi), nên xác định hộ gia đình bà T gồm bà T và ông Tình.

Như vậy Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 11/07/2013 bà T và ông Tình tham gia ký là hoàn toàn phù hợp và Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

Xét Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp trên được giao kết do sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với qui định của pháp luật, vì vậy các bên phải thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình, nhưng sau khi vay tiền bị đơn bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn nên đã vi phạm hợp đồng đã ký kết; bị đơn còn bỏ đi khỏi nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho bên nguyên đơn. Nguyên đơn đã nộp đầy đủ chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ pháp luật, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Cần buộc bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 1.230.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/9/2017 là 619.174.733 đồng, (trong đó lãi trong hạn: 523.314.000 đồng, lãi quá hạn: 95.860.733 đồng) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày bà T trả nợ xong cho Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn không thanh toán trả nợ số tiền trên cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản là 01 lô đất tại thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 180623 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/04/2009 mang tên T đã được chuyển nhượng cho ông T và bà T vào ngày 25/5/2009; 01 lô đất tại khối phố 5, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 591148 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/10/2008 mang tên ông T và bà T. 01 lô đất tại khối phố 5, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 930411 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/09/1999 mang tên hộ bà T, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 11/07/2013; Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 144, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 281, 290, 342, 343, 348, 351, 355, 474 của Bộ luật dân sự 2005;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ.

Buộc bà T phải thanh toán cho Ngân hàng Đ (thông quá chi nhánh Ngân hàng Đ Gia Lai số tiền nợ là: 1.849.174.733 đồng (*Một tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu một trăm bảy mươi tư ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng*)). Trong đó số tiền nợ gốc là 1.230.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng*) số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/9/2017 là 619.174.733 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu một trăm bảy mươi tư ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng*)).

Trường hợp bị đơn bà T không thanh toán trả nợ số tiền trên thì Ngân hàng Đ (thông chi nhánh Ngân hàng Đ Nam Gia Lai) được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà bị đơn đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 11/07/2013 gồm:

01 lô đất tại thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 180623 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/04/2009 mang tên T đã được chuyển nhượng cho ông T và bà T vào ngày 25/5/2009;

01 lô đất tại khối phố 5, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 591148 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/10/2008 mang tên ông T và bà T.

01 lô đất tại khối phố 5, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 930411 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/09/1999 mang tên hộ bà T.

Để thu hồi nợ trên.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng, khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Về án phí KDTM-ST:

Xử: Buộc bị đơn bà T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 67.475.242 đồng (*Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Đ (thông qua phòng chi nhánh Ngân hàng Đ Nam Gia Lai) số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 31.526.969 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002786 ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn bà T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.P;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi Cục THA DS TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Thẩm phán ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA